

THỰC TRẠNG GIÁO VIÊN SỬ DỤNG CÁC BÀI TẬP ĐIỀU CHỈNH HÀNH VI NGÔN NGỮ CHO TRẺ TỰ KỈ TUỔI MẦM NON

ThS. ĐÀO THỊ THU THỦY

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

1. Đặt vấn đề

Trong giao tiếp, con người thực hiện nhiều hoạt động khác nhau bằng cách sử dụng ngôn ngữ (NN). Các hành động này tuy được thể hiện hết sức đa dạng nhưng đều được gọi chung là các hành vi ngôn ngữ (HVNN).

Năm 1957, Skinner đã xuất bản cuốn sách "Verbal behavior", cuốn sách đã miêu tả chi tiết chức năng của việc phân tích HVNN. Kể từ khi xuất bản cuốn sách HVNN này, rất nhiều nhà phân tích hành vi ứng dụng bao gồm Jack Michael, Mark Sundberg, Jim Partington & Vince Carbone đã tiến hành xuất bản các công trình nghiên cứu về HVNN và phân tích ứng dụng HVNN.

Theo B. F. Skinner (1957), NN được coi như là một hành vi mà có thể được định hình và củng cố. Ông coi rằng HVNN (ví dụ nói) là một hành vi học được và được kiểm soát bởi các biến môi trường như động cơ, củng cố và các kích thích tiến đề. Skinner đã giải thích rằng NN có thể được phân tích thành từng phần chức năng, mỗi loại thao tác phục vụ cho một loại chức năng khác nhau. Dưới góc nhìn của hành vi, HVNN bao gồm: phân biệt các kích thích, thiết lập hành động, sự phản ứng (tương tác). Ông tập trung nghiên cứu HVNN của con người và coi HVNN như là sự thực thi NN [4]. B. F. Skinner cũng phân biệt giữa nhiều loại thực thi NN bằng các chức năng và định nghĩa chúng dưới dạng hành vi như: hành vi yêu cầu bằng NN, hành vi bắt chước NN, hành vi ghi nhớ hình ảnh NN, hành vi quan sát các hiện tượng NN, hành vi hiểu NN, hành vi nói nối tiếp lời nói và hành vi diễn đạt NN [4].

Skinner sử dụng thuật ngữ "HVNN" để phân biệt giữa cách tiếp cận theo chức năng của NN và cách tiếp cận theo cấu trúc (bao gồm âm vị, hình vị, từ và câu) của NN. Trong khi tìm kiếm một tên gọi cho những phân tích của mình về NN, Skinner đã chọn thuật ngữ "HVNN", ông phát hiện thuật ngữ "âm ngữ" (speech) quá giới hạn (bởi vì cử chỉ điệu bộ cũng là phương tiện giao tiếp), trong khi thuật ngữ "ngôn ngữ" (language) quá chung chung. Vì thế, ông chọn "HVNN" và việc sử dụng thuật ngữ này của ông bao gồm tất cả các NN dấu hiệu, hình ảnh, NN viết, cử chỉ, mã, hoặc các dạng khác mà đáp ứng lời nói có thể có.

Trẻ tự kỉ 3 - 6 tuổi gặp rất nhiều khó khăn trong việc tương tác xã hội với những người xung quanh do trẻ chưa biết cách bộc lộ những yêu cầu và diễn đạt những mong muốn của mình với người khác, từ đó, nảy sinh các hành vi thiếu tích cực do trẻ không được

đáp ứng đúng nhu cầu của mình. Qua việc nghiên cứu và những kinh nghiệm trong quá trình can thiệp và điều trị cho trẻ tự kỉ, chúng tôi nhận thấy, việc điều chỉnh HVNN cho trẻ tự kỉ sẽ giúp trẻ tăng cường khả năng nhận thức, tương tác, hoà nhập cộng đồng và sự phát triển nói chung của trẻ.

Trong bài viết này, chúng tôi đánh giá thực trạng nhận thức của giáo viên về tầm quan trọng trong việc sử dụng các biện pháp và các bài tập điều chỉnh HVNN cho trẻ tự kỉ và thực trạng giáo viên sử dụng các biện pháp và bài tập điều chỉnh HVNN cho trẻ tự kỉ nhằm mục đích làm cơ sở cho việc nghiên cứu để xuất các biện pháp điều chỉnh HVNN cho trẻ tự kỉ 3 - 6 tuổi.

2. Kết quả nghiên cứu thực trạng giáo viên sử dụng các bài tập điều chỉnh hành vi ngôn ngữ cho trẻ tự kỉ 3 - 6 tuổi

Nội dung phân tích thực trạng giáo viên sử dụng các biện pháp, bài tập điều chỉnh HVNN cho trẻ tự kỉ 3 - 6 tuổi bao gồm: (1) nhận định của giáo viên về HVNN của trẻ tự kỉ; (2) thực trạng nhận thức của giáo viên về tầm quan trọng việc sử dụng các biện pháp điều chỉnh HVNN cho trẻ tự kỉ; (3) thực trạng nhận thức của giáo viên về tầm quan trọng việc sử dụng các bài tập điều chỉnh HVNN cho trẻ tự kỉ. Nghiên cứu này được thực hiện qua việc khảo sát 105 giáo viên dạy tại các trường, trung tâm chuyên biệt dành cho trẻ tự kỉ tại Hà Nội về HVNN cho trẻ tự kỉ 3 - 6 tuổi.

2.1. Nhận định của giáo viên về hành vi ngôn ngữ của trẻ tự kỉ 3 - 6 tuổi

Để đánh giá nhận định của giáo viên về HVNN của trẻ tự kỉ, chúng tôi đưa ra các câu hỏi có liên quan tới các HVNN của trẻ như: hành vi yêu cầu bằng NN, bắt chước bằng NN, ghi nhớ hình ảnh NN, quan sát các hiện tượng NN, hiểu NN, nối tiếp lời nói và diễn đạt NN với các mức độ như sau: (1) không thực hiện được; (2) thực hiện có sự trợ giúp bằng các hành động và lời nói; (3) thực hiện có sự trợ giúp bằng lời nói; (4) thực hiện được nhưng không làm theo yêu cầu; (5) chủ động thực hiện. Kết quả trong bảng 1 tổng hợp ý kiến của giáo viên về các mức độ HVNN của trẻ tự kỉ đạt được.

Kết quả bảng 1 cho thấy các đặc điểm HVNN của trẻ tự kỉ có mức độ rất khác nhau. Trong đó, điểm mạnh nhất của trẻ đó là khả năng ghi nhớ hình ảnh tốt ($M = 3,88$; $SD = 1,63$), tiếp đó là khả năng hiểu ngôn ngữ của trẻ tự kỉ cũng khá tốt, các giáo viên đều có nhận định rằng ngôn ngữ hiểu của trẻ tự kỉ tốt hơn rất nhiều ngôn

Bảng 1: Nhận định của giáo viên về HVNN của trẻ tự kỉ (N = 105)

HVNN	Điểm		Thứ bậc
	M	SD	
Thể hiện yêu cầu muốn đồ ăn, uống, đồ chơi hoặc muốn tham gia vào một số hoạt động sinh hoạt hàng ngày	3,03	1,35	4
Bắt chước các âm thanh NN, các hành động, hoạt động.	3,50	1,67	3
Ghi nhớ các hình ảnh (bằng cách gọi tên/ chỉ khi được yêu cầu)	3,88	1,63	1
Làm theo được các yêu cầu như: lựa chọn các hình dạng giống nhau hoặc ghép hình từ 5 - 10 mảnh, cắt kéo...	2,56	1,17	5
Hiểu ngôn ngữ	3,72	1,61	2
Nối tiếp lời nói (trong 1 đoạn thơ, một bài hát)	2,80	1,25	6
Diễn đạt NN	1,87	1,02	7

Chú thích: M (Mean): Trung bình; SD (Standard Deviation): Độ lệch chuẩn

Bảng 2. Mức độ sử dụng các biện pháp điều chỉnh HVNN cho trẻ tự kỉ (N = 105)

Biện pháp	Điểm		Thứ bậc
	M	SD	
Sử dụng các bài tập can thiệp hành vi để điều chỉnh HVNN cho trẻ tự kỉ	2,78	1,08	6
Xây dựng kế hoạch cá nhân can thiệp cho trẻ	2,87	1,12	7
Sử dụng các đồ vật hoặc hoạt động trẻ thích làm phần thưởng cho trẻ	3,76	1,33	1
Sử dụng các tranh ảnh, đồ vật thật để tăng cường sự hiểu biết và tương tác với trẻ	3,62	1,24	2
Sửa đổi HVNN trong tất cả các hoạt động sinh hoạt hàng ngày của trẻ	2,94	1,25	5
Đưa ra những lời giải thích hoặc yêu cầu rõ ràng đối với trẻ	3,54	1,29	3
Sử dụng quy trình điều chỉnh HVNN nhất quán	2,98	1,15	4

ngữ diễn đạt bằng lời nói (M = 3,72; SD = 1,61). Khả năng bắt chước của trẻ tự kỉ cũng được nhận định là một trong những điểm mạnh (M=3,50; SD = 1,67). Trẻ tự kỉ biết bắt chước một số hành động và hoạt động đơn giản, biết bắt chước phát âm bắt chước tiếng kêu một số con vật. Tuy nhiên, trẻ tự kỉ lại gặp rất nhiều khó khăn trong việc dùng NN nói để diễn đạt, điều này thể hiện trong nhận định của giáo viên về khả năng "Nối tiếp lời" nói và "Diễn đạt NN" của trẻ tự kỉ. Trẻ tự kỉ có NN nói nhưng NN nói của trẻ biểu hiện ở việc nhắc lại hoặc lặp lại từ. Trẻ tự kỉ ít chủ động dùng NN diễn đạt trong giao tiếp hàng ngày. Mặt khác, hạn chế của trẻ cũng thể hiện qua hành vi thể hiện yêu cầu bằng NN (M = 3,03; SD = 1,35) và hành vi quan sát NN (M = 2,56; SD = 1,17). Như vậy, nhận định của giáo viên về đặc điểm HVNN của trẻ cho thấy các giáo viên cũng nhận thấy những mặt mạnh và mặt hạn chế trong từng đặc điểm HVNN của trẻ tự kỉ. Hầu hết các giáo viên đều nhận thấy rất khó khăn trong việc điều chỉnh các hành vi yêu cầu và hành vi diễn đạt ngôn ngữ của trẻ tự kỉ.

2.2. Thực trạng nhận thức của giáo viên về tầm quan trọng việc sử dụng các biện pháp điều chỉnh hành vi ngôn ngữ cho trẻ tự kỉ 3 - 6 tuổi

2.2.1. Thực trạng nhận thức của giáo viên về tầm quan trọng của việc sử dụng các biện pháp điều chỉnh HVNN cho trẻ tự kỉ

Phần lớn các giáo viên cho rằng sử dụng các biện pháp điều chỉnh HVNN cho trẻ tự kỉ là rất quan trọng (78,09%) và quan trọng (21,91%). Các giáo viên đều nhận định rằng HVNN là chìa khóa để giúp trẻ có thể tương tác, giao tiếp được với những người khác nhằm mục đích bộc lộ những nhu cầu, mong muốn của bản thân, giải tỏa được những bức xúc bên trong của trẻ do thiếu hụt ngôn ngữ nói.

2.2.2. Thực trạng về mức độ sử dụng các biện pháp cơ bản điều chỉnh HVNN cho trẻ tự kỉ

Để đánh giá về mức độ sử dụng các biện pháp cơ bản điều chỉnh HVNN cho trẻ tự kỉ, chúng tôi đã sử dụng phiếu hỏi để điều tra, với từng lựa chọn của giáo viên đã được đổi thành các tiêu chí sau: luôn luôn (4 điểm), thường xuyên (3 điểm); thỉnh thoảng (2 điểm) và không bao giờ (1 điểm).

Kết quả khảo sát được tổng hợp ở bảng 2 cho thấy chỉ có 3 biện pháp được giáo viên thường xuyên sử dụng đó là: sử dụng các đồ vật hoặc hoạt động trẻ thích làm phần thưởng cho trẻ (M = 3,76; SD = 1,33); sử dụng các tranh ảnh, đồ vật thật để tăng cường sự hiểu biết và tương tác với trẻ (M = 3,62; SD = 1,24), đưa ra những lời giải thích hoặc yêu cầu rõ ràng đối với trẻ (M = 3,54; SD = 1,29).

Biện pháp lập kế hoạch điều chỉnh HVNN cho trẻ tự kỉ rất quan trọng việc xác định những định hướng chính trong từng giai đoạn can thiệp HVNN cho trẻ chưa được

coi trọng, trong thứ bậc xếp hạng, biện pháp này đứng thứ 7 (M =2,87; SD =1,12). Thực chất, lập kế hoạch cá nhân cũng đã được triển khai tại các trung tâm chuyên biệt, tuy nhiên phần lớn kế hoạch cá nhân chỉ tập trung vào kế hoạch phát triển nhận thức, kĩ năng tự phục vụ và kĩ năng xã hội. Hầu hết các giáo viên đều có ý kiến chung là chưa có kế hoạch riêng điều chỉnh HVNN cho trẻ tự kỉ.

Biện pháp sử dụng các bài tập điều chỉnh HVNN nhằm giúp giáo viên có định hướng đúng trong điều chỉnh HVNN cho trẻ tự kỉ, tuy nhiên biện pháp này chỉ đứng thứ 6 trong thứ bậc xếp hạng (M=2,78; SD =1,08). Biện pháp sửa đổi HVNN trong tất cả các hoạt động sinh hoạt hàng ngày của trẻ cũng rất quan trọng, đây chính là những cơ hội để trẻ được luyện tập thường xuyên cũng chỉ đứng thứ 5 trong mức độ sử dụng các biện pháp của giáo viên (M =2,94; SD =1,25).

Như vậy, rõ ràng mức độ sử dụng các biện pháp điều chỉnh HVNN cho trẻ tự kỉ của giáo viên chưa được sử dụng ở mức độ thường xuyên và mức độ sử dụng cũng có sự khác nhau. Một số biện pháp đặc thù trong điều chỉnh HVNN cho trẻ tự kỉ chưa được giáo viên chú ý. Đặc biệt, biện pháp lập KHCN điều chỉnh HVNN và xây dựng các bài tập GV còn chưa chú trọng. Nguyên nhân như trên có thể do giáo viên chưa nhận thức đúng đắn về các biện pháp điều chỉnh HVNN cho trẻ tự kỉ để giúp trẻ tự kỉ có thể tương tác, giao tiếp tốt hơn trong các hoạt động ở nhà trường.

2.2.3. Những yếu tố ảnh hưởng đến việc điều chỉnh HVNN cho trẻ tự kỉ

- Có 48,1% giáo viên cho rằng điều chỉnh HVNN cho trẻ tự kỉ hiện nay chưa đạt hiệu quả do thiếu tài liệu hướng dẫn sử dụng các bài tập điều chỉnh HVNN cho trẻ tự kỉ có hệ thống và chi tiết.

- 55,7% giáo viên cho rằng do trẻ tự kỉ thiếu môi trường thực tiễn để thực hành các kĩ năng do vậy việc điều chỉnh HVNN cho trẻ còn hạn chế, thiếu hiệu quả. Điều này chưa hẳn đã chính xác bởi HVNN được thể hiện trong cuộc sống hàng ngày, việc nắm bắt và hiểu về HVNN sẽ giúp GV điều chỉnh được môi trường sống hàng ngày và tổ chức được môi trường thực tiễn để luyện tập thực hành các HVNN có hiệu quả.

- 29,2% giáo viên lại cho rằng thiếu thời gian dạy trẻ do vậy hiệu quả đạt được chưa cao. 27,4% giáo viên

cũng cho rằng do giáo viên chưa được hướng dẫn cách dạy và 23,6% giáo viên cho rằng do nhà trường và giáo viên chưa có biện pháp để phối hợp và cũng có 18,9% có ý kiến khác là do không hiểu biết nhiều về HVNN của trẻ tự kỉ, không được đào tạo sử dụng các bài tập để điều chỉnh HVNN cho trẻ tự kỉ...

2.3. Nhận thức của giáo viên về tầm quan trọng của việc sử dụng các bài tập để điều chỉnh hành vi ngôn ngữ cho trẻ tự kỉ 3 – 6 tuổi

2.3.1. Tầm quan trọng của việc sử dụng các bài tập điều chỉnh HVNN cho trẻ tự kỉ

- Phần lớn ý kiến các giáo viên được hỏi (73%) cho rằng rất cần thiết có các bài tập điều chỉnh HVNN cho trẻ tự kỉ và hướng dẫn cách sử dụng các bài tập này cho giáo viên và phụ huynh để áp dụng trong việc can thiệp HVNN cho trẻ tự kỉ

- Có 26% ý kiến GV cho rằng các bài tập điều chỉnh HVNN cho trẻ tự kỉ là quan trọng và có 1% cho rằng ít quan trọng.

Về việc sử dụng các bài tập điều chỉnh HVNN cho trẻ tự kỉ, có 91,5% ý kiến giáo viên có sử dụng các bài tập điều chỉnh HVNN cho trẻ tự kỉ. 8,5% cho rằng không sử dụng các bài tập để điều chỉnh HVNN cho trẻ tự kỉ. Để giải thích cho việc không sử dụng các bài tập điều chỉnh HVNN các giáo viên cho rằng chủ yếu dạy theo kinh nghiệm và hướng tới dạy trẻ hiểu và diễn đạt NN.

2.3.2. Người hướng dẫn giáo viên xây dựng các bài tập

Khi được hỏi "Ai là người hướng dẫn các giáo viên xây dựng các bài tập điều chỉnh HVNN cho trẻ tự kỉ" thu được kết quả như sau:

- 70,8 giáo viên cho rằng mình tự xây dựng các bài tập điều chỉnh HVNN cho trẻ tự kỉ, 15,7% do chuyên gia giáo viên đặc biệt hướng dẫn. Bên cạnh đó, có giáo viên cho rằng các bài tập điều chỉnh HVNN được các bác sĩ (2,8%), chuyên gia tâm lí (7,5%) hướng dẫn xây dựng và có 3,2% giáo viên đã nghiên cứu tài liệu để tham khảo cách xây dựng điều chỉnh HVNN cho trẻ tự kỉ. Các bài tập điều chỉnh HVNN cho trẻ tự kỉ hầu hết chỉ tập trung điều chỉnh hành vi hiểu và diễn đạt NN. Một số giáo viên có chú trọng tới việc điều chỉnh hành vi bắt chước NN và yêu cầu. Nhưng 100% giáo viên chưa tập trung thiết kế các bài tập điều chỉnh hành vi nối tiếp lời nói và hành vi quan sát các hiện tượng NN. Các

Bảng 3: Yếu tố ảnh hưởng đến việc điều chỉnh HVNN cho trẻ tự kỉ

STT	Yếu tố	Số lượng	Tỉ lệ
1	Do thiếu tài liệu hướng dẫn các bài tập	51	48.1
2	Do thiếu thời gian dạy trẻ	31	29.2
3	Do giáo viên chưa được hướng dẫn cách dạy	29	27.4
4	Do nhà trường và giáo viên chưa có biện pháp phối hợp để can thiệp	25	23.6
5	Do trẻ thiếu môi trường thực tiễn để thực hành các kĩ năng	59	55.7
6	Khác	20	18.9

hành vi này chỉ được lồng ghép hướng dẫn trong quá trình dạy hành vi hiểu và diễn đạt NN. Như vậy, kết quả trên cho thấy việc sử dụng các bài tập điều chỉnh HVNN cho trẻ tự kỉ cũng đã được quan tâm, từ bác sĩ, chuyên gia tâm lí đến chuyên gia giáo dục đặc biệt; và các giáo viên đã có sự tìm tòi các nguồn tài liệu để tự xây dựng.

Tuy nhiên, các bài tập điều chỉnh HVNN được xây dựng thiếu sự hoàn chỉnh và không đầy đủ các yếu tố của HVNN. Nguyên nhân là do vấn đề này chưa được nghiên cứu đầy đủ ở Việt Nam và chưa có ai hướng dẫn các giáo viên một cách hệ thống.

2.3.3. Mức độ sử dụng các bài tập điều chỉnh HVNN cho trẻ tự kỉ của giáo viên

Kết quả khảo sát cho thấy, các giáo viên đã có sử dụng các bài tập điều chỉnh HVNN cho trẻ tự kỉ, tuy nhiên mức độ sử dụng còn thấp: 66,1% sử dụng 1 – 2 lần/tuần và có 21,7% sử dụng 3-4 lần/tuần và có 2,8% chưa sử dụng. Chỉ có 9,4% giáo viên đã sử dụng hàng ngày.

Việc điều chỉnh HVNN cho trẻ tự kỉ chỉ có hiệu quả khi được áp dụng thường xuyên liên tục, với mức độ sử dụng các bài tập điều chỉnh HVNN cho trẻ tự kỉ của giáo viên như trên chưa phù hợp và mức độ sử dụng quá thấp. Về vấn đề này, giáo viên cần được hướng dẫn sử dụng các bài tập điều chỉnh HVNN với mức độ thường xuyên hơn.

3. Những thuận lợi và khó khăn của giáo viên khi áp dụng các bài tập điều chỉnh hành vi ngôn ngữ cho trẻ tự kỉ 3 – 6 tuổi

3.1. Những thuận lợi của giáo viên khi áp dụng các bài tập điều chỉnh hành vi ngôn ngữ cho trẻ tự kỉ 3 – 6 tuổi

Khi được phỏng vấn, 100% các giáo viên đều nhận thấy nếu có các bài tập điều chỉnh HVNN sẽ giúp giáo viên thuận lợi hơn trong trong việc can thiệp có hiệu quả cho trẻ tự kỉ tuổi mẫu giáo.

Hầu hết các giáo viên cũng nhận thấy các bài tập điều chỉnh HVNN cho trẻ tự kỉ là các bài tập được sử dụng trong các tình huống quen thuộc hàng ngày của trẻ do vậy nếu được hướng dẫn giáo viên có thể tiếp thu và phát huy được tốt trong thực tiễn.

3.2. Những khó khăn của giáo viên khi áp dụng các bài tập điều chỉnh hành vi ngôn ngữ cho trẻ tự kỉ 3 – 6 tuổi

Các bài tập điều chỉnh HVNN cho trẻ tự kỉ còn chưa phong phú, chủ yếu chú trọng tới việc can thiệp hành vi hiểu và diễn đạt NN cho trẻ mà chưa chú trọng tới can thiệp các HV khác nên hiệu quả của việc điều chỉnh HVNN cho trẻ tự kỉ chưa được cao.

100% đều cho rằng việc trang bị cho giáo viên chuyên môn về HVNN cho trẻ tự kỉ chưa nhiều, phần lớn giáo viên tự đọc tài liệu hoặc có được sự trợ giúp một phần từ chuyên gia tâm lí, chuyên gia giáo dục

đặc biệt nhưng chưa sâu. Cũng có những giáo viên mà chúng tôi khảo sát chưa bao giờ được tập huấn về trẻ tự kỉ do vậy họ gặp nhiều khó khăn trong việc sử dụng các bài tập điều chỉnh HVNN cho trẻ tự kỉ thật sự có hiệu quả.

95% ý kiến đánh giá cho rằng thiếu nguồn tài liệu tham khảo về việc hướng dẫn và xây dựng các bài tập điều chỉnh HVNN cho trẻ tự kỉ, các tài liệu phần lớn tập trung vào các kĩ năng dạy hành vi và giao tiếp, ít có nguồn tài liệu tham khảo về HVNN của trẻ tự kỉ. Do vậy, GV cũng khó có thể tự bồi dưỡng để nâng cao nhận thức của bản thân.

4. Kết luận

Trên cơ sở nghiên cứu thực trạng, chúng tôi nhận thấy các giáo viên đều cho rằng việc điều chỉnh HVNN cho trẻ tự kỉ rất cần thiết. Để giúp trẻ điều chỉnh HVNN, giáo viên cần có các khóa tập huấn về HVNN của trẻ tự kỉ, xây dựng và thiết kế các bài tập điều chỉnh HVNN cho trẻ tự kỉ nhằm tạo được môi trường gần gũi, thân thiện an toàn cho trẻ tự kỉ. Thiết kế được các môi trường thực hành các HVNN của trẻ trong sinh hoạt hàng ngày. Giáo viên cũng mong mỗi có được sự phối hợp giữa gia đình và nhà trường trong việc sử dụng các bài tập điều chỉnh HVNN cho trẻ tự kỉ được thống nhất để đạt được hiệu quả cao.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Barbera, M.L. (2007), *The verbal behavior approach*, London: Jessica Kingsley.
2. Kliegman R.M. and Behrman R.E., Nelson (2007), *Textbook of Pediatrics*, Volume 1.
3. Michael, J. (1982), *Skinner's elementary verbal relations: some new categories*. The analysis of verbal behavior.
4. Skinner, B.F. (1957), *Verbal behavior*. Engelwood Cliffs, NJ: Prentice Hall.
5. Sundberg, M.L. and C.A. Sundberg (2011), *Intraverbal behavior and verbal conditional discriminations in typically developing children and children with autism*, The analysis of verbal behavior.

SUMMARY

The article assesses the teachers' awareness of the importance of using measures and exercises to adjust linguistic behavior for preschool children with autism, from 3-6 years old. At the same time, the author also discusses the real status of teachers using these measures and exercises. Research findings have shown the reality that teachers recognize the importance of linguistic behavior adjustment for autistic children aged 3-6 years old. Then, the author proposed that teachers need training courses on the linguistic behavior of autistic children in order to help them to have a closely and friendly learning environment and safe activities.